

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 6 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Ngọc Mai;

Ông Nguyễn Trường Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị Thùy D, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp BH, xã AB, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc D1, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp BH, xã AB, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn bà Hà Thị Thùy D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Quốc D1 sống chung vợ chồng từ năm 2015, việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AB, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/8/2016. Sau khi kết hôn, ông bà sống tại xã AB, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian đầu chung sống thì cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông D1 thường xuyên đi uống rượu, không quan tâm, chăm sóc vợ con dẫn đến vợ chồng bà cãi nhau thường xuyên, cuộc sống không hạnh phúc. Bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Ông bà đã ly thân từ tháng 3 năm

2019, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông D1.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông D1 có một người con chung tên Trần Quốc K, sinh ngày 17/7/2016. Bà D xin được quyền nuôi con chung, yêu cầu ông D1 cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Quốc D1 đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng vắng mặt, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Hà Thị Thùy D và ông Trần Quốc D1 chung sống có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, do có mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến nhiều lần cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng Bà D và ông D1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Trần Quốc K, sinh ngày 17/7/2016. Xét điều kiện về nuôi con, sự phát triển ổn định về tâm lý của trẻ, quy định của pháp luật về nuôi con dưới 36 tháng tuổi, từ khi vợ chồng ly thân thì Bà D là người trực tiếp nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Trần Quốc K cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Xét bình quân thu nhập của người dân lao động tại địa phương là 4.500.000 đồng/tháng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi cháu Trần Quốc K số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại xã AB, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Hà Thị Thùy D có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Quốc D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2015, việc chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AB, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/8/2016, quan hệ hôn nhân giữa Bà D và ông D1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, Bà D và ông D1 đã ly thân từ tháng 3 năm 2019, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn không có ý kiến trước yêu cầu của nguyên đơn.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã AB xác nhận bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu địa phương giải quyết nên địa phương không rõ, từ tháng 3 năm 2019 đến nay nguyên đơn, bị đơn ly thân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau một con chung tên là Trần Quốc K, sinh ngày 17/7/2016. Cháu Trần Quốc K hiện đang sống cùng với Bà D. Hội đồng xét xử xét các điều kiện về nuôi con, sự ổn định tâm lý của trẻ, điều kiện đảm bảo cho trẻ nhỏ được phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và trí tuệ. Con chung dưới 36 tháng tuổi, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con nên giao con chung Trần Quốc K cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con Trần Quốc K số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn. Biên bản xác minh tại địa phương xác nhận thu nhập bình quân của người dân lao động tại địa phương là 4.500.000 đồng/tháng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, cần thiết để phục vụ đời sống của trẻ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn đối với bị đơn.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244, các Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Thùy D đối với bị đơn ông Trần Quốc D1.

1. Về hôn nhân: Bà Hà Thị Thùy D được ly hôn với ông Trần Quốc D1.
2. Về con chung: Giao con Trần Quốc K, sinh ngày 17/7/2016 cho bà Hà Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn ông Trần Quốc D1 phải cấp dưỡng nuôi con Trần Quốc K số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hà Thị Thùy D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0026112, ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Ông Trần Quốc D1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
 - VKSND tỉnh Bình Dương;
 - VKSND huyện Phú Giáo;
 - Những người tham gia tố tụng;
 - Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
 - UBND xã AB
- (Số 96/2016 ngày 12/8/2016);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mùi